

## PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN KHOA TIỂU HỌC - MẦM NON, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC QUA HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Nguyễn Thị Huyền Trang,  
Điền Thị Tú Uyên\*,  
Nguyễn Huyền Anh

Trường Đại học Tây Bắc  
+Tác giả liên hệ • Email: [tuyuen@utb.edu.vn](mailto:tuyuen@utb.edu.vn)

### Article history

Received: 11/01/2022

Accepted: 23/02/2022

Published: 05/4/2022

### Keywords

Develop, soft skills, students,  
connect and support the  
community

### ABSTRACT

Developing soft skills for students is an important training goal at the Faculty of Elementary and Preschool Education, Tay Bac University. The survey results show that the Faculty has paid attention to developing soft skills for students through the organization of relatively diverse community supporting and connecting activities, creating opportunities for students to experience, practice, and acquire more soft skills to improve the quality of learning and scientific research. However, those activities were mainly integrated in the plan of each school year, while lacking strategic planning, thus the outcomes did not meet the expectations. Accordingly, the research proposes a number of solutions to develop soft skills for students through networking and community service activities, including Raising students' awareness about developing soft skills ; Organizing groups of activities to connect and support the community in association with developing soft skills groups; Increasing resources to develop soft skills for students through networking and community service activities. These are important to-do tasks in order to improve the university's educational quality, and at the same time to the success of each individual in society.

### 1. Mở đầu

Kỹ năng mềm (KNM - kỹ năng thực hành xã hội) là thuật ngữ liên quan đến trí tuệ, xúc cảm dùng để chỉ các kỹ năng quan trọng trong cuộc sống của con người như kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, thư giãn, vượt qua khủng hoảng, sáng tạo và đổi mới. Nhà nghiên cứu Patrick (2008) định nghĩa "KNM là khả năng, là cách thức chúng ta tiếp cận và phản ứng với môi trường xung quanh, không phụ thuộc và trình độ chuyên môn và kiến thức. KNM không phải là yếu tố bẩm sinh về tính cách hay là những kiến thức của sự hiểu biết lý thuyết mà đó là khả năng thích nghi với môi trường và con người để tạo ra sự tương tác hiệu quả trên bình diện cá nhân và cả cộng đồng". KNM là yếu tố quan trọng, trang bị cho con người lối sống, thái độ sống, hành vi cá nhân, khả năng giao tiếp, làm việc nhóm... giúp con người thành công trong cuộc sống (Ngô Anh Tuấn và Bùi Thị Hải Lý, 2013). Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã nêu rõ: "Đổi mới nội dung đào tạo...; phát triển tiềm năng nghiên cứu sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp, năng lực hoạt động trong cộng đồng và khả năng lập nghiệp của người học" (Chính phủ, 2005). Vì vậy, phát triển KNM cho sinh viên (SV), giúp họ có các KNM cần thiết, bảo đảm thành công trong tương lai đang là vấn đề có ý nghĩa chiến lược ở các cơ sở giáo dục đại học. Đối với Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc, công tác nâng cao chất lượng đào tạo đang đặt ra những thách thức về chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực giáo viên cho khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Để đạt được mục tiêu quan trọng này, việc phát triển KNM, tạo nền tảng vững chắc cho sự thành công của SV trong học tập, rèn luyện và trong tương lai trở thành một trong những vấn đề cần được quan tâm.

Mặt khác, ở cơ sở giáo dục đại học, kết nối và phục vụ cộng đồng (KN & PVCD) là một lĩnh vực trọng yếu bên cạnh lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH). Hoạt động phục vụ cộng đồng trong môi trường đại học có ý nghĩa to lớn, thể hiện vai trò, trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học trong việc đáp ứng nhu cầu, yêu cầu của xã hội, góp phần phát triển KT-XH của địa phương cũng như mang lại cơ hội học tập cho giảng viên (GV), SV bên ngoài lớp học, giúp SV phát triển KNM, phát huy được sở trường, năng lực, tạo được hành trang bền vững cho tương

lai. Theo tác giả Tạ Quang Thảo (2014), trong quá trình tuyển dụng, ngoài kỹ năng nghề nghiệp, KNM ngày càng được các nhà tuyển dụng coi trọng, vì nó là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới mức độ thành công trong công việc của mỗi cá nhân, từ đó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tổ chức đó. Các hoạt động KN & PVCĐ là phương tiện phù hợp với mục tiêu phát triển KNM cho SV. Việc tham gia các hoạt động KN & PVCĐ giúp SV có điều kiện, cơ hội rèn luyện, trưởng thành hơn, thành công hơn trong học tập, trong công việc và trong tương lai, giúp SV năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với cá nhân và cộng đồng, để trưởng thành, để thành công trong tương lai. Đây là một nhiệm vụ cấp thiết, có ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn cao bên cạnh công tác đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho SV.

Những năm gần đây, với mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, Khoa Tiểu học - Mầm non đã chú trọng phát triển KNM cho SV qua các hoạt động KN & PVCĐ. Tuy vậy, nhiệm vụ này chưa đạt được hiệu quả tối ưu do chưa được thực hiện một cách quy mô, hệ thống và đồng bộ.

Bài báo trình bày kết quả khảo sát thực trạng phát triển KNM cho SV qua hoạt động KN & PVCĐ, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển KNM cho SV qua hoạt động này, đó là: Nâng cao nhận thức về việc phát triển KNM cho SV; Tổ chức các nhóm hoạt động KN & PVCĐ gắn với phát triển nhóm KNM; Tăng cường nguồn lực phát triển KNM cho SV qua hoạt động KN & PVCĐ...

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

#### 2.1.1. Các kết quả đạt được trong phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

- Việc xây dựng kế hoạch phát triển KNM cho SV qua hoạt động KN & PVCĐ hiện đang được Khoa xây dựng lồng ghép trong các kế hoạch của đơn vị, chưa có kế hoạch riêng.

- Việc tổ chức cho SV tham gia các hoạt động KN & PVCĐ: từ năm học 2019-2020 trở lại đây đã được Khoa chú trọng triển khai và đạt được những kết quả, thành tích quan trọng.

- Kết quả phát triển một số KNM cho SV qua hoạt động KN & PVCĐ: Theo số liệu thống kê tại Báo cáo tổng kết công tác tổ chức hoạt động KN & PVCĐ năm học 2020-2021, số lượng SV tham gia các hoạt động đạt tỉ lệ như sau: + Tham gia công tác lớp, chi đoàn, Ban Chấp hành Liên chi đoàn, Ban Chấp hành Đoàn trường, Ban Chấp hành Hội SV trường: 141 SV (0,14%); + Tham gia Hội đồng Trường Đại học Tây Bắc: 01 SV (0,1%); + Tham gia NCKH: 58 SV (6,0%); + Tham gia công tác hỗ trợ học tập cho lưu học sinh Lào: 30 SV (3,0%); + Tham gia công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm (NVSP): 100%, trong đó, thực hiện rèn nghề trực tiếp tại các trường mầm non, tiêu học là 410 SV (41,8%); + Tham gia Câu lạc bộ Truyền thông: 50 (5,0%); tham gia các câu lạc bộ khác (Câu lạc bộ Sống đẹp, Câu lạc bộ Nữ sinh, Câu lạc bộ Khiêu vũ, Câu lạc bộ Tình nguyện): 200 SV (20,0%); + Tham gia thực hiện các phóng sự truyền hình (phối hợp giữa Khoa và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Sơn La): 25 SV (2,5%); trực tiếp tổ chức thực hiện các bản tin SV của Khoa: 35 SV (3,5%); + Tham gia tổ chức, thực hiện các chương trình ngoại khóa, tuyên truyền an toàn giao thông tại trường mầm non, tiêu học, THPT: 250 SV (25%); + Tham gia chương trình giới thiệu sách, tặng sách, hỗ trợ đọc sách tại các trường học: 108 (18%); + Tham gia các chương trình tư vấn, quảng bá tuyển sinh: 100%; + Tham gia các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện: 280 (28,0%); + Tham gia các hoạt động văn nghệ, thể thao: 580 SV (58,0%); + SV tham gia các hoạt động của đơn vị ngoài trường như Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh; Hội SV tỉnh; Thành uỷ...: 150 SV (15,0%).

Trong quá trình chỉ đạo SV thực hiện các hoạt động KN & PVCĐ trong năm học 2020-2021, chúng tôi nhận thấy, SV năm thứ nhất đã chủ động, tích cực tham gia các hoạt động và hoạt động có hiệu quả, có đóng góp cho tập thể chỉ sau 1 học kì học tập tại Khoa; SV năm thứ 2 đã chủ động, tích cực tham gia thực hiện hoặc tổ chức thực hiện các hoạt động có hiệu quả; SV năm thứ 3 và năm thứ 4 chủ động, rất tích cực tham gia tổ chức nhiều hoạt động KN & PVCĐ với các đơn vị ngoài Trường. SV các khóa đều có đóng góp cho tập thể trên nhiều phương diện. Nhiều SV được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng, xét kết nạp Đảng, thể hiện một quá trình rèn luyện có sự tiến bộ vượt bậc; nhiều em trở thành các cán bộ lớp, cán bộ đoàn, cán bộ hội rất năng nổ, sáng tạo, được các cấp trong trường và ngoài trường đánh giá cao, biểu dương, khen thưởng. Nhiều SV ngoài việc tham gia các hoạt động của tập thể lớp, chi đoàn còn tham gia hoạt động nhóm lớn tại các câu lạc bộ.

#### 2.1.2. Đánh giá chung về thực trạng

- Về thuận lợi:

+ Số lượng SV của Khoa chiếm tỉ lệ lớn là nguồn nhân lực quan trọng để Khoa thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. SV nhiệt tình, tích cực tham gia các hoạt động của tập thể lớp, Khoa, Trường. Tỉ lệ SV tham gia các

hoạt động trọng yếu như rèn luyện NVSP, tình nguyện, thiện nguyện, truyền thông, văn nghệ, thể thao, quảng bá tuyển sinh lớn, có hoạt động đạt 100%.

+ Khoa đã quan tâm đến việc phát triển KNM cho SV thông qua việc tổ chức các hoạt động KN & PVCĐ tương đối đa dạng. Các hoạt động này đã tạo cơ hội cho SV trải nghiệm, rèn luyện, có thêm các KNM để đạt chất lượng học tập, NCKH tốt hơn, đạt được những thành công nhất định trong quá trình học tập và rèn luyện.

- Về khó khăn:

+ Do đặc điểm của hoàn cảnh, điều kiện sống, một bộ phận SV, nhất là SV dân tộc thiểu số vẫn chưa thực sự mạnh dạn, năng nổ trong giao tiếp, tiếp cận, tham gia các hoạt động, làm việc nhóm.

+ Nhận thức của một bộ phận SV về việc phát triển KNM, việc rèn luyện qua các hoạt động KN & PVCĐ chưa đầy đủ.

+ Việc phát triển KNM cho SV thông qua hoạt động KN & PVCĐ chủ yếu mới được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch từng năm học, chưa có tính chiến lược, hệ thống và đồng bộ, do vậy, kết quả đạt được chưa thực sự được như mong muốn.

## **2.2. Một số giải pháp phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng**

### **2.2.1. Nâng cao nhận thức về việc phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên**

Trên thế giới và trong nước, việc nghiên cứu, xác định các KNM cần thiết cho người học nhằm giúp người học có cơ hội thành công đang rất được quan tâm. Muốn thành công trong công việc và cuộc sống, con người cần được trang bị kiến thức và rất nhiều kỹ năng, trong đó, các KNM là nhân tố đặc biệt quan trọng, có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành bại trong sự nghiệp và cuộc sống của một cá nhân (Nguyễn Thanh Bình, 2006). Một người có thể đạt được thành công khi họ có khả năng tư duy độc lập, tự học suốt đời, tương tác với cộng đồng, thích ứng nhanh với những biến động thường xuyên, đa dạng, phức tạp của xã hội. Muốn thế, cần phải học tập, rèn luyện các KNM (Nguyễn Kim Cương, 2018). Trước hết, Khoa cần làm tốt công tác tuyên truyền trong GV, SV về ý nghĩa quan trọng của việc phát triển KNM cho SV. Cách thức tuyên truyền cũng cần đa dạng, linh hoạt, gắn với thực tiễn học tập, rèn luyện của SV như tổ chức các chương trình ngoại khóa, các hội thi, các hoạt động sinh hoạt tập thể của Đoàn Thanh niên, Hội SV, câu lạc bộ...

Mặt khác, trước đây, chương trình đào tạo của Trường chủ yếu quan tâm đến chuẩn đầu ra về kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Nhưng trong xu thế tất yếu của việc đào tạo theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; trong yêu cầu mới của nhà sử dụng lao động khi đánh giá năng lực của ứng viên tuyển dụng thường căn cứ vào các tiêu chí liên quan đến KNM, chương trình đào tạo cần xây dựng chuẩn đầu ra về KNM. Đồng thời nghiên cứu thí điểm xây dựng học phần đào tạo KNM cho SV. Khoa cần tuyên truyền, giúp GV, SV nhận thức sâu sắc ý nghĩa của việc đổi mới chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, từ đó có tinh thần trách nhiệm, có động lực để thực hiện mục tiêu phát triển KNM cho SV.

KN & PVCĐ là một trong 3 lĩnh vực trọng yếu giúp đạt được mục tiêu phát triển KNM cho SV. Vì vậy, trong công tác tuyên truyền, Khoa cũng cần có kế hoạch tổ chức các chương trình tập huấn về phát triển KNM thông qua hoạt động KN & PVCĐ cho SV. Những chương trình tập huấn này là cơ hội để SV hiểu một cách đúng đắn, đầy đủ về giá trị của các hoạt động KN & PVCĐ trong việc rèn luyện khả năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, thích ứng với các biến động của xã hội, chủ động và sáng tạo trong giải quyết vấn đề để trưởng thành và thành công.

### **2.2.2. Tổ chức các nhóm hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gắn với phát triển nhóm kỹ năng mềm**

Mỗi hoạt động KN & PVCĐ thường có vai trò trọng yếu trong việc phát triển một KNM cho SV. Tuy vậy, để tích hợp và đạt được hiệu quả tối ưu trong phát triển KNM cho SV, Khoa cần nghiên cứu, tổ chức các nhóm hoạt động KN & PVCĐ gắn với phát triển nhóm KNM. Cụ thể:

- Tổ chức các nhóm hoạt động KN & PVCĐ trọng yếu:

+ Để phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý nhóm, kỹ năng lãnh đạo cho SV, Khoa cần mở rộng và phát triển mạng lưới học tập cho SV dân tộc thiểu số trong môi trường cộng đồng. Tăng cường cử SV tham gia các nhóm học tập lớn ngoài phạm vi lớp học như nhóm học tập trong Khoa (theo ngành học); nhóm học tập trong trường (theo khóa học); nhóm học tập ở trường mầm non, tiểu học (theo đoàn thực tế, thực hành NVSP thường xuyên, thực tập sư phạm)... Phát huy vai trò của SV trong các nhóm học tập này theo mô hình SV khóa cũ hỗ trợ SV khóa mới, SV học tốt hỗ trợ SV học chưa tốt, SV có kinh nghiệm về NVSP hỗ trợ SV chưa có kinh nghiệm... Đối với các hoạt động rèn luyện NVSP tại các trường mầm non, tiểu học, Khoa cần tăng cơ hội chủ động cho SV trong công tác liên

hệ, điều hành nhóm để SV thiết lập các mối quan hệ với cơ sở giáo dục, học cách ứng xử và giải quyết công việc qua những trải nghiệm thực tiễn.

+ Để phát triển tư duy độc lập và sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề vì sự phát triển của cá nhân và cộng đồng cho SV, Khoa cần đẩy mạnh mục tiêu NCKH trong SV theo mô hình nghiên cứu “mũi nhọn”. Đối với SV ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, NCKH có tính mũi nhọn là ứng dụng lí luận về phương pháp dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển giáo dục khu vực miền núi. SV xuất phát từ thực tiễn giáo dục của các địa bàn vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số đề xuất các giải pháp khắc phục, cải tạo khó khăn, nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Nếu tham gia mô hình nghiên cứu “mũi nhọn” này, SV có lợi thế và cơ hội thực hiện tốt do am hiểu sâu sắc về địa bàn nghiên cứu và có một khát vọng tạo nên sự thay đổi thực sự. SV cũng có điều kiện tích lũy kinh nghiệm cho quá trình dạy học, giáo dục sau này khi quay trở về địa phương công tác. Đây cũng là giải pháp giúp SV đạt được chuẩn đầu ra về năng lực tự học, tự nghiên cứu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Mặt khác, nhằm nâng cao vai trò của SV trong NCKH, mở ra cho SV cơ hội tiếp cận với môi trường NCKH lớn hơn, giúp SV tự tin hơn, Khoa cần có kế hoạch đẩy mạnh mục tiêu định hướng, hỗ trợ, hướng dẫn SV công bố kết quả NCKH trên các tạp chí khoa học; tham dự Giải thưởng SV NCKH cấp Bộ. Đồng thời, tìm kiếm cơ hội để SV ứng dụng được NCKH vào thực tiễn.

+ Để giúp SV có tinh thần trách nhiệm, biết lắng nghe, chủ động, tự tin, tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, có kỹ năng lập kế hoạch, đàm phán để tổ chức các hoạt động vì cộng đồng, Khoa cần tăng cường định hướng, hỗ trợ SV tham gia các hoạt động, chú trọng phát huy tiềm năng của SV trong việc xây dựng kế hoạch, chương trình, đàm phán để tổ chức các chương trình, hoạt động vì cộng đồng. Ví dụ: tổ chức các chương trình ngoại khoá cho học sinh tiểu học, trẻ mầm non, học sinh phổ thông; tổ chức các chương trình hỗ trợ học sinh tiểu học, trẻ mầm non dân tộc thiểu số phát triển ngôn ngữ (tiếng Việt), phát triển kỹ năng sống; phát triển các sản phẩm học tập thành các đồ dùng dạy học hỗ trợ các trường mầm non, tiểu học vùng khó khăn; giới thiệu, quảng bá văn hoá địa phương; tổ chức các chương trình tình nguyện, thiện nguyện... Khoa nên tạo cơ hội cho SV xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động, chương trình trọng điểm nhằm giúp SV được thử thách, được trải nghiệm một cách tốt nhất, từ đó, rút ra những kinh nghiệm thực tiễn quý giá để rèn luyện thêm kỹ năng.

- *Tổ chức các nhóm hoạt động KN & PVCD hỗ trợ:*

+ Khoa cần tăng cường số lượng SV tham gia công tác truyền thông để vừa phát triển mạng lưới kết nối giữa đơn vị và cộng đồng, quảng bá, giới thiệu vai trò của Khoa vừa nâng cao khả năng giao tiếp, khả năng tổ chức truyền thông của SV. Trong công tác truyền thông, Khoa cần đặc biệt chú trọng rèn luyện cho SV khả năng xây dựng nội dung thuyết trình và trực tiếp thuyết trình, từ thuyết trình thành công mà SV đạt được các mục tiêu như tìm kiếm được cơ hội học tập, cơ hội tham gia hoạt động xã hội tốt hơn cho bản thân. Khoa phối hợp với các bộ phận chức năng trong trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn, hỗ trợ cho SV các kỹ năng truyền thông như viết tin bài, đọc phát thanh, thiết kế poster, thiết kế bản tin, video quảng bá, tư vấn tuyển sinh... Khoa ưu tiên phát triển Câu lạc bộ Truyền thông là hạt nhân để phát triển kỹ năng cho SV, xây dựng các chương trình, hoạt động phong phú, đa dạng, phù hợp với đặc trưng ngành nghề... Đồng thời, chủ động kết nối, tìm cơ hội trải nghiệm cho SV trong thực hiện nhiệm vụ truyền thông như tham gia làm phóng sự, thực hiện chương trình thực tế cùng các đơn vị văn hoá, phát thanh, truyền hình; giới thiệu sách cùng đơn vị thư viện... giúp SV tự tin vào bản thân, có động lực phấn đấu, khẳng định giá trị của bản thân đối với cộng đồng.

+ Với lợi thế nguồn SV lớn, có nhiều nhân tố về văn hoá, văn nghệ, thể thao, Khoa cần chú trọng thúc đẩy hiệu quả của các hoạt động phong trào làm hạt nhân cho sự rèn luyện các kỹ năng thực hành xã hội cho SV. Đặc biệt là chú trọng xây dựng các mô hình hoạt động như mô hình sinh hoạt văn hoá tập thể (dân vũ, Câu lạc bộ Khiêu vũ...), khuyến khích các hoạt động biểu diễn của SV có tính kết nối và quảng bá cho các tác phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc, địa phương. Đồng thời quan tâm đến hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao với các đơn vị ngoài trường, tăng cường mối quan hệ, góp phần hỗ trợ cộng đồng.

+ Khoa cần nghiên cứu, định hướng hoạt động khởi nghiệp cho SV, giúp SV vừa phát huy năng lực, sở trường cá nhân, có nguồn thu nhập nhất định, nâng cao tay nghề vừa đóng góp, hỗ trợ cho cộng đồng. Đối với hoạt động này, Khoa giữ vai trò định hướng khởi nghiệp phù hợp với SV ngành Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học như mô hình thiết kế sản phẩm đồ dùng, đồ chơi sử dụng trong dạy học; thiết kế sản phẩm du lịch; thiết kế sản phẩm thủ công mỹ nghệ...

### 2.2.3. Tăng cường nguồn lực phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Trên thực tế, các kỹ năng thực hành xã hội của SV chỉ được phát triển tốt nhất khi cơ sở giáo dục đại học có một môi trường học tập và các dịch vụ hỗ trợ đào tạo tốt. Muốn vậy, Khoa cần thực hiện một số công việc sau:

- Cải thiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập, rèn luyện của SV, xây dựng môi trường trường học xanh với việc phát triển hệ thống hoa, cây cảnh trong khuôn viên của Khoa, của Trường, tạo nên cảnh quan trường học xanh, sạch, đẹp; phát triển hệ thống phòng học chức năng, phòng học thực hành, thư viện, hệ thống thiết bị học tập, cải thiện đường truyền Internet nhằm phục vụ tốt nhất cho người học.

- Trong bối cảnh kỹ thuật số phát triển mạnh mẽ, SV cần được tiếp cận và thích ứng với những yêu cầu mới trong việc sử dụng công nghệ thông tin vào học tập, giải quyết công việc, sáng tạo và phát triển bản thân. Khoa cần nghiên cứu, điều chỉnh chương trình đào tạo, tăng các học phần ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học mầm non, tiểu học; tăng cường thực hành, hỗ trợ, hướng dẫn SV ứng dụng công nghệ trong học tập, hoạt động KN & PVCĐ. Đẩy mạnh mô hình học tập trực tuyến, thi trực tuyến, sinh hoạt chuyên môn, hội nghị, hội thảo trực tuyến, rèn luyện khả năng ứng dụng công nghệ cho SV, giúp SV có kinh nghiệm để tổ chức các hoạt động trực tuyến, các chương trình có ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật trong công việc sau này.

- Tăng cường kết nối với các đơn vị ngoài trường, nhất là các đơn vị giáo dục để tăng cường nguồn lực hỗ trợ SV trải nghiệm thực tiễn, thể hiện năng lực, sở trường trên nhiều phương diện. Đây cũng là cơ hội để SV mở rộng các mối quan hệ xã hội, tìm kiếm được các cơ hội việc làm cho tương lai. Đồng thời, với các mối quan hệ xã hội mở rộng ra khỏi phạm vi trường học, SV cũng được rèn luyện kỹ năng ứng xử, xử lý tình huống, thích ứng, chủ động tạo nên các cơ hội mới cho bản thân. Khoa hoặc GV thực hiện nhiệm vụ kết nối bước đầu, sau đó hướng dẫn, hỗ trợ, giao nhiệm vụ cho SV chủ động lập kế hoạch, liên hệ với các đơn vị để giải quyết công việc. Khoa giữ vai trò giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm cho SV, biểu dương, khích lệ kịp thời những thành công của SV.

### 3. Kết luận

KNM là nhân tố quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi một cá nhân trong cộng đồng. Điều này đặt ra vấn đề cho các cơ sở giáo dục đại học về việc trang bị, phát triển KNM cho SV nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. KNM không phải là kỹ năng bẩm sinh mà là những hành vi có thể dạy và học được (Trần Khánh Đức, 2010). Với xu thế đổi mới mạnh mẽ trong giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của người học, với yêu cầu cạnh tranh về chất lượng đào tạo và áp lực công việc đòi hỏi phải đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và có kỹ năng nghề nghiệp, KNM tốt, Khoa Tiểu học - Mầm non xác định cần thực hiện được mục tiêu quan trọng là phát triển KNM cho SV. Để phát triển KNM cho SV qua hoạt động KN & PVCĐ, Khoa cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản: Nâng cao nhận thức về việc phát triển KNM cho SV; Tổ chức các nhóm hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng gắn với phát triển nhóm KNM; Qua hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng tăng cường nguồn lực phát triển KNM cho SV. Điều quan trọng nhất là xác định và thay đổi nhận thức về giáo dục, phát triển KNM cho SV, nhận thức được đây là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến sự thành công của SV trong học tập, rèn luyện, trong công việc tương lai cũng như trong cuộc sống. Sự thay đổi về nhận thức sẽ thúc đẩy các hoạt động chỉ đạo, triển khai thực hiện và mở ra những cơ hội đào tạo SV trở thành những con người có phẩm chất, năng lực, thành công trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, khẳng định được giá trị của bản thân, hoà mình vào tập thể, tổ chức, cộng đồng, cống hiến cho xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020*.
- Ngô Anh Tuấn, Bùi Thị Hải Lý (2013). Xây dựng quy trình đào tạo kỹ năng mềm tại Khoa Đào tạo chất lượng cao - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, 318, 20-22; 26.
- Nguyễn Kim Cương (2018). Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương IV trong hội nhập Quốc tế. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 8, 130-133.
- Nguyễn Thanh Bình (2006). *Giáo trình Chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại học Sư phạm.
- Patrick, N. J. (2008). *Social skills for teenagers and adults with asperger syndrome*. Jessica Kingsley Publisher.
- Tạ Quang Thảo (2014). Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Giáo dục*, 329, 27-29.
- Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.